CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
Địa chỉ: KCN Khai Quang, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: (0211) 3720945 - Fax: (0211) 3845944
Email: idv@vpid.vn - Website: vpid.vn

QUY CHẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KCN SÔNG LÔ II

Phú Thọ, năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 0106/2026/QĐ-VPID	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Phú Thọ, ngày 01 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường KCN Sông Lô II

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định 48/2026/NĐ-CP sửa đổi nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; và thông tư 09/2026/TT-BTNMT

Căn cứ Quyết định số 4189/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Lô II - quy mô 165,655 ha";

Căn cứ Quyết định số 142/GPMT-BNNMT ngày 11/05/2026 của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường cấp phép hoạt động bảo vệ môi trường cho Khu công nghiệp Sông Lô II;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế bảo vệ môi trường KCN Sông Lô II", Điều chỉnh, bổ sung Quy chế bảo vệ môi trường KCN Sông Lô II ban hành theo Quyết định số 0202/2026/QĐ-VPID ngày 02/02/2026.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quy chế bảo vệ môi trường KCN Sông Lô II ban hành theo Quyết định số 0202/2026/QĐ-VPID ngày 02/02/2026 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày quy chế này có hiệu lực.

3. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều không còn giá trị áp dụng.

4. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, chủ nhà xưởng, nhà thầu, đơn vị cung cấp dịch vụ hoạt động trong KCN Sông Lô II và các phòng ban trong Công ty có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu HC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2500222004 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
P. VĨNH PHÚ - T. PHÚ THỌ

Nguyễn Ngọc Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KCN SÔNG LÔ II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 0106/2026/QĐ-VPID ngày 01/06/2026 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định các nguyên tắc, yêu cầu, nghĩa vụ, trách nhiệm về bảo vệ môi trường đối với:

- Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) – Chủ đầu tư KCN Sông Lô II;
- Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất – kinh doanh – dịch vụ hoạt động trong KCN Sông Lô II;
- Nhà thầu thi công, đơn vị cung cấp dịch vụ hoạt động trong KCN Sông Lô II.

2. Quy chế điều chỉnh toàn bộ các hoạt động liên quan đến:

- Quản lý chất thải;
- Quản lý nước thải – khí thải;
- Ứng phó sự cố môi trường;
- Quan trắc và báo cáo môi trường;
- Thanh tra – kiểm tra – xử lý vi phạm trong KCN.

Điều 2. Căn cứ pháp lý

Quy chế này được ban hành nhằm thực hiện:

1. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

2. Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định 48/2026/NĐ-CP sửa đổi nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Nghị định 35/2022/NĐ-CP về quản lý KCN – Khu kinh tế;

4. Nghị định 45/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

5. Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; và thông tư 09/2026/TT-BTNMT

6. Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

7. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đánh giá tác động môi trường số 4189/QĐ-
BTNMT ngày 29/12/2023 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho KCN Sông Lô II;

8. Giấy phép môi trường số 142/GPMT-BNNMT ngày 11/05/2026 do Bộ Nông Nghiệp và Môi trường cấp phép hoạt động bảo vệ môi trường cho Khu công nghiệp Sông Lô II;

9. Các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thuật ngữ và giải thích từ ngữ

1. "Các đơn vị": Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thứ cấp, chủ nhà xưởng, nhà thầu, đơn vị cung cấp dịch vụ,…

2. "VPID": Chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Sông Lô II.

3. ''BQLKCN'': Ban quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ.

4. "GPMT": Giấy phép môi trường theo Điều 39, 40 Luật Bảo vệ môi trường.

5. ''ĐKMT'': Đăng ký môi trường theo Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường.

5. ''ĐTM'': Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6. "CTNH", "CTR", "Đấu nối nước thải", "Hố ga đấu nối"… theo nghĩa tại NĐ 08/2022.

7. ''PCCC'': Phòng cháy chữa cháy.

8. ''KCN'': Khu công nghiệp Sông Lô II.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Dựa vào năng lực, nhiệm vụ và quyền hạn của Các đơn vị và VPID để đảm bảo hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường trong KCN Sông Lô II; tránh các hình thức chống đối, bao che hoặc gây cản trở trong công tác bảo vệ môi trường tại KCN Sông Lô II của Các đơn vị.

b) Các đơn vị hoạt động trong KCN Sông Lô II và VPID thường xuyên trao đổi các thông tin về bảo vệ môi trường có liên quan đến đơn vị mình và các thông tin vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tại KCN Sông Lô II theo đúng quy định của pháp luật.

c) Các đơn vị hoạt động trong KCN Sông Lô II và VPID phối hợp, tạo điều kiện để các cơ quan thực hiện tốt các hoạt động quản lý nhà nước về môi trường trong KCN Sông Lô II theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hình thức phối hợp

Tùy thuộc vào tính chất của từng nhiệm vụ, sự việc mà Các đơn vị và VPID lựa chọn một trong các hình thức phối hợp dưới đây:

a) Thông báo bằng văn bản/Email;

b) Trao đổi trực tiếp giữa người đầu mối có chuyên môn của Các đơn vị và VPID qua số điện thoại, tin nhắn SMS và các ứng dụng mạng xã hội khác;

c) Tổ trức cuộc họp, làm việc cùng lãnh đạo Các đơn vị;

d) Tổ chức đoàn kiểm tra liên quan đến cam kết bảo vệ môi trường của Các đơn vị khi đăng ký đầu tư vào trong KCN Sông Lô II.

3. Nội dung phối hợp

a) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; hướng dẫn, kiểm tra Các đơn vị trong KCN về việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, kiến nghị và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của Các đơn vị KCN theo quy định của pháp luật và quy định của VPID;

c) Giải quyết các tranh chấp về môi trường giữa Các đơn vị trong KCN hoặc kiến nghị lên cơ quan quản lý nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi KCN;

d) Công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi KCN.

e) Tham vấn, tham gia đoàn kiểm tra, thẩm định phê duyệt ĐTM/GPMT đối với các dự án đầu tư vào trong KCN Sông Lô II;

f) Phối hợp với cơ quan thanh tra, kiểm tra của nhà nước về việc thực hiện các nội dung trong quyết định phê duyệt ĐTM/GPMT và thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường đối với các dự án đầu tư trong KCN;

g) Chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm và công khai thông tin về bảo vệ môi trường của Các đơn vị hoạt động KCN;

h) Khuyến khích các đơn vị chia sẻ dữ liệu quan trắc, sự cố.

i) Các đơn vị phải hợp tác khi kiểm tra, tạo điều kiện lấy mẫu.

j) Thông tin môi trường phải được cung cấp trung thực, kịp thời.

k) Mọi hành vi che giấu, đối phó, cản trở đều bị xử phạt theo NĐ 45/2022.

l) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN
MỤC 1 – GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Điều 5. Hồ sơ và thủ tục môi trường

1. Các dự án đầu tư vào KCN Sông Lô II phải phù hợp với quy hoạch ngành nghề KCN theo GPMT của KCN Sông Lô II đã được phê duyệt và phù hợp với chủ trương của địa phương.

2. Các đơn vị phải lập và được phê duyệt một trong các loại hồ sơ môi trường: Báo cáo ĐTM, GPMT hoặc ĐKMT theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hiện hành.

Nội dung của hồ sơ môi trường xin phê duyệt phải phù hợp với Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Nghị định 48/2026/NĐ-CP sửa đổi nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; và thông tư 09/2026/TT-BTNMT.

Các đơn vị phải thực hiện đúng, đầy đủ toàn bộ nội dung hồ sơ môi trường đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

3. Ký cam kết bảo vệ môi trường khi đăng ký đầu tư vào KCN Sông Lô II.

Điều 6. Quy hoạch – thiết kế – xây dựng hạ tầng

Việc quy hoạch, thiết kế và xây dựng hạ tầng kỹ thuật của Các đơn vị phải đảm bảo các yêu cầu sau:

4. Bố trí mặt bằng nhà xưởng, bố trí các hạng mục công trình bảo vệ môi trường theo đúng hồ sơ môi trường (ĐTM/GPMT/ĐKMT) đã được phê duyệt;

5. Diện tích cây xanh theo hồ sơ quy hoạch xây dựng, giấy phép xây dựng và hồ sơ môi trường được phê duyệt;

6. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa, nước thải của dự án và phải được đấu nối đúng vào hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Sông Lô II;

7. Đấu nối nước thải thông qua hố ga (gọi là hố ga đấu nối) nằm bên ngoài hàng rào của doanh nghiệp thứ cấp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Sông Lô II. Hố ga đấu nối theo mẫu của VPID và do Doanh nghiệp tự xây dựng đảm bảo công tác lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải và được lắp van khóa kiểm soát sự cố nước thải;

8. Có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ công suất phù hợp, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án/cơ sở;

9. Hệ thống thu gom, lưu chứa CTR&CTNH tuân thủ theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo không để chất thải phát tán ra ngoài môi trường; tự phân loại, phân định chất thải tại nguồn, không được để lẫn các loại chất thải.

10. Công trình xử lý khí thải, bụi, mùi (nếu dự án có phát sinh khí thải, bụi, mùi) đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ khí thải, bụi, mùi đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện

hành trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Thiết kế vị trí, điểm lấy mẫu khí thải theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành;

11. Có phương án giảm thiểu mùi, bụi phát sinh từ quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu, hàng hóa giảm phát thải ra môi trường;

12. Công trình PCCC, khoảng cách ly an toàn bên trong và bên ngoài công trình đáp ứng theo đúng quy định. Đồng thời thực hiện các giải pháp cách âm, xử lý nền móng nhằm giảm tiếng ồn, độ rung không để ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

MỤC 2 – GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

Điều 7. Quy định đối với nhà thầu xây dựng

1. Ký hợp đồng hoặc biên bản thỏa thuận với VPID về các nội dung đảm bảo môi trường và các hoạt động khác trong suốt quá trình thi công xây dựng dự án, chịu trách nhiệm khi vi phạm.

2. Tuân thủ các quy định về quản lý xây dựng trong KCN Sông Lô II được cơ quan chức năng phê duyệt. Thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng dự án như trong hồ sơ môi trường của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án theo đúng thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

4. Phải bố trí khu vực lưu chứa rác thải, lắp đặt nhà vệ sinh di động cho công nhân bên trong khuôn viên lô đất của chủ đầu tư ngay khi bắt đầu thi công và hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải với đơn vị có chức năng; bố trí lán trại, kho vật tư, thoát nước trong phạm vi khuôn viên khu đất của dự án, đảm bảo không ảnh hưởng đến mỹ quan chung của KCN Sông Lô II.

5. Phải thực hiện các quy định về an toàn lao động và vệ sinh môi trường, che chắn kín khu vực công trường bằng hàng rào tạm khung thép, vách tôn cao ít nhất 02m, đảm bảo an toàn về kết cấu, chống nghiêng đổ, gió lật, an toàn cho người và mỹ quan, không để đất đá, vật liệu xây dựng rơi vãi, khói bụi, nước thải, tiếng ồn, độ rung làm ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

6. Mọi hoạt động chỉ được thực hiện trong khuôn viên lô đất của dự án. Nghiêm cấm các hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải không đúng quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng.

7. Trước khi khởi công, Các đơn vị phải nộp ‘‘Tiền ký quỹ bảo đảm vệ sinh môi trường và bảo vệ hạ tầng’’ với mức quy định theo diện tích đất như sau:

- Dự án < 1 ha: 20 – 50 triệu đồng
- Dự án từ 1 – 3 ha: 50 – 100 triệu đồng
- Dự án > 3 ha: 100 – 150 triệu đồng

8. Các đơn vị vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng có ảnh hưởng đến hạ tầng chung của KCN Sông Lô II, VPID sẽ lập biên bản sự việc xác nhận vi phạm. Các đơn vị nhà thầu nhanh chóng khắc phục các vi phạm do đơn vị mình gây ra trong thời gian VPID cho phép, quá thời gian cho phép mà nhà thầu vẫn không chấp hành thì VPID sẽ dùng ''Tiền ký quỹ bảo đảm vệ sinh môi trường và bảo vệ hạ tầng'' để khắc phục các vi phạm gây ô nhiễm hoặc làm hư hỏng hạ tầng. Khoản tiền còn lại sẽ được hoàn trả khi công trình hoàn thành và được nghiệm thu. Trường hợp nhà thầu đã bị khấu trừ hết tiền ký quỹ thì nhà thầu có trách nhiệm bổ sung khoản tiền này thì sẽ để được tiếp tục hoạt động.

9. VPID sẽ đình chỉ thi công nếu gây ra sự cố môi trường, cấm các phương tiện ra vào dự án, buộc Các đơn vị khắc phục và hoàn trả nguyên trạng.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ đầu tư thứ cấp

1. Các đơn vị tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo đúng giấy phép xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để VPID, các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu khi được yêu cầu.

2. Thông báo bằng văn bản cho VPID các thông tin về nhà thầu thi công, giấy phép xây dựng đã được cấp, thời gian thi công, thời gian hoàn thành và đi vào hoạt động.

3. Giám sát chặt chẽ và chịu trách nhiệm chính việc chấp hành bảo vệ môi trường của các nhà thầu thi công cho đơn vị mình trong suốt quá trình thi công xây dựng của dự án.

4. Thực hiện phân loại, thu gom, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, CTNH theo đúng quy định. Ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để chuyển giao, xử lý các chất thải phát sinh. Gửi hợp đồng (bản photo) đã ký đến VPID để giám sát, quản lý.

5. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường, báo cáo theo quy định và thông báo kết quả quan trắc cho VPID và cơ quan chức năng theo quy định.

6. Phối hợp với VPID nghiệm thu mặt bằng hiện trạng lô đất sau khi hoàn tất xây dựng các hạng mục công trình của dự án và thông báo bằng văn bản về việc đấu nối hạ tầng để được hướng dẫn theo quy định.

MỤC 3 – GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Nguyên tắc hoạt động

Các đơn vị chỉ được hoạt động khi có hồ sơ môi trường hợp lệ. Mọi hoạt động của Các đơn vị chỉ được thực hiện trong phạm vi lô đất đã được cấp. Nghiêm cấm chôn lấp, đổ, thải chất thải, bùn thải... ra môi trường. Nghiêm cấm xả nước thải trái phép.

- Thông báo trước 10 ngày về kế hoạch vận hành thử nghiệm cho Cơ quan cấp GPMT và VPID để giám sát, kiểm tra.

3. Quan trắc theo GPMT/ĐKMT đã được cấp và giám sát nồng độ, thông số ô nhiễm trong nước thải theo tiêu chuẩn đấu nối của KCN Sông Lô II (chi tiết tại Phụ lục 3).

4. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm phải có văn bản, báo cáo Cơ quan quản lý nhà nước và VPID.

5. Chỉ được xả thải sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm và được chấp thuận.

Điều 12. Quản lý nước thải, nước mưa, nước ngầm

1. Các đơn vị phải xử lý sơ bộ nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của VPID (chi tiết tại Phụ lục 3), sau đó VPID sẽ thu gom và xử lý nước thải đạt giá trị C cột A QCVN 40:2025/BTNMT trước khi xả ra môi trường. Ngoài việc đáp ứng ngưỡng tiếp nhận theo nồng độ, Các đơn vị phải đảm bảo lưu lượng, tải lượng ô nhiễm phù hợp với công suất đấu nối đã đăng ký với VPID, không vượt quá GPMT quy định. Không được xả nước thải tập trung theo đợt, xả gián đoạn hoặc xả tăng lưu lượng bất thường gây quá tải hệ thống thu gom và XLNT tập trung. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm hoặc các dự án có nguy cơ ô nhiễm cao thì VPID có quyền yêu cầu doanh nghiệp lắp đặt: Đồng hồ đo lưu lượng; Camera giám sát hố ga.

2. VPID thường xuyên giám sát chất lượng nước thải của Các đơn vị và định kỳ hoặc đột xuất (24/7) VPID sẽ phối hợp với các đơn vị có chức năng để lấy mẫu nước thải, phân tích chất lượng nước thải của các doanh nghiệp.

3. Quy định chị tiết các điều khoản về trách nhiệm, nghĩa vụ, phí xử lý nước thải, công suất xả nước thải, đấu nối xả thải, khối lượng nước thải tính phí, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, tạm dừng tiếp nhận, chấm dứt Hợp đồng,... của các bên được thể hiện trong Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải giữa Các đơn vị - VPID và Phụ lục 3 kèm theo quy chế này.

4. Nghiêm cấm hành vi cho nước thải ngấm vào đất; Nghiêm cấm mọi hình thức ''pha loãng'' nước thải; Nghiêm cấm hành vi đấu nối hai chiều giữa nước mưa và nước thải.

5. Các đơn vị trong quá trình hoạt động nếu có thay đổi về quy mô, công nghệ sản xuất, tăng công suất hay cải tiến công nghệ xử lý chất thải, thay đổi nguyên liệu, hóa chất, phát sinh thông số ô nhiễm mới, thay đổi vị trí xả thải, bổ sung ngành nghề sản xuất phải thông báo cho VPID trước 180 ngày bằng văn bản và tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường. Các đơn vị chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành các thủ tục môi trường theo quy định.

6. Nghiêm cấm Các đơn vị khai thác nước ngầm dưới mọi hình thức.

7. Các đơn vị vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng nước, VPID sẽ lập biên bản, yêu cầu khắc phục ngay và đồng thời thông báo sự việc tới các cơ quan quản lý nhà nước để phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định.

Các đơn vị hoạt động trong KCN tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động phát sinh chất thải, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung, CTNH và các nghĩa vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình.

Việc VPID kiểm tra, giám sát, lấy mẫu, nhắc nhở hoặc chấp thuận đấu nối không làm thay đổi hoặc miễn trừ trách nhiệm pháp lý của Các đơn vị theo quy định pháp luật.

Điều 10. Điều kiện để được phép hoạt động

1. Bố trí diện tích cây xanh theo hồ sơ quy hoạch xây dựng, giấy phép xây dựng và hồ sơ môi trường được phê duyệt.

2. Xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom thoát nước thải, hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải (nếu có); có công trình, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; có hệ thống PCCC; hoàn thiện khu vực phân loại lưu chứa chất thải rắn, CTNH đảm bảo hợp vệ sinh và an toàn cho môi trường.

3. Phải đấu nối hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN; Ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải với VPID (biểu mẫu hợp đồng do VPID ban hành); vị trí đấu nối nước thải theo quy định của VPID.

4. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải, bụi, mùi khó chịu đặc thù theo từng loại hình sản xuất, có biện pháp giảm tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt theo đúng hồ sơ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Có hồ sơ quản lý công trình xử lý chất thải bao gồm: nhật ký vận hành, chứng từ mua bán hóa chất, nhân sự vận hành…

6. Có hợp đồng với các đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và CTNH; chứng từ chuyển giao chất thải.

7. Có nhân sự phụ trách về môi trường theo quy định. Đối với Các đơn vị có mức lưu lượng xả nước thải, khí thải mức lớn trở lên phải bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định.

8. Đã được các cơ quan có thẩm quyền về môi trường cấp GPMT/ĐKMT/ĐTM.

9. Các đơn vị phải công khai thông tin môi trường theo quy định và cung cấp (bản copy hoặc bản scan) GPMT/ĐKMT/ĐTM cho VPID ngay sau khi được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt.

Điều 11. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1. Các hệ thống xử lý chất thải của Các đơn vị phải được vận hành thử nghiệm theo quy định.

2. Trước khi vận hành thử nghiệm các doanh nghiệp phải:

- Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm;

Điều 13. Quản lý khí thải

Phải đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn quy định về khí thải. Đối với các dự án thuộc danh mục quy định tại Phụ lục XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định 48/2026/NĐ-CP sửa đổi nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; và thông tư 09/2026/TT-BTNMT

Điều 14. Quản lý CTR & CTNH

1. Thực hiện phân loại, thu gom, lưu trữ chất thải phát sinh tại nguồn. Ký hợp đồng chuyển giao, xử lý chất thải (CTR&CTNH) với các đơn vị có đủ chức năng và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các đơn vị phải đăng ký mã CTNH hoặc phải đăng ký thông tin về việc phát sinh chất thải nguy hại của đơn vị mình tích hợp vào nội dung khai báo khi đề nghị cấp Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường (Theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT).

3. Các đơn vị phải thực hiện báo cáo công tác quản lý CTR&CTNH hằng năm, được tích hợp vào báo cáo công tác BVMT hằng năm theo quy định.

Điều 15. Công tác quan trắc – báo cáo – ứng phó sự cố

1. Các đơn vị tự chủ động thực hiện quan trắc môi trường định kỳ (nếu có) và thực hiện các báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định. Trước khi thực hiện quan trắc môi trường, phải thông báo đến cơ quan quản lý môi trường địa phương và VPID được biết để giám sát, kiểm tra thực hiện.

2. Các đơn vị có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) gửi đến cơ quan cấp GPMT, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ, Ban QLKCN tỉnh Phú Thọ và VPID. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 15/01 của năm tiếp theo. Đồng thời chịu trách nhiệm pháp lý về nội dung và các số liệu trong báo cáo.

3. Khi xảy ra sự cố môi trường Các đơn vị có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi đơn vị mình; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó phải kịp thời báo cáo UBND xã Sông Lô, Ban chỉ huy Phòng - chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Phú Thọ và VPID được biết để phối hợp xử lý, khắc phục sự cố. Đồng thời phải đình chỉ ngay hoạt động sản xuất, ngừng ngay hoạt động xả thải đến khi khắc phục xong toàn bộ sự cố.

4. Các đơn vị thực hiện ngay công tác khắc phục ô nhiễm môi trường do đơn vị mình gây ra. VPID sẽ lập biên bản và yêu cầu thời gian khắc phục, nếu Các đơn vị không chấp hành, VPID sẽ ngừng tiếp nhận nước thải, cấm các phương tiện của Các đơn vị ra vào KCN, đồng thời báo cáo cơ quan chức năng để xử lý theo pháp luật.

5. Các đơn vị khi nhận được thông báo về sự cố môi trường xảy ra quanh khu vực của đơn vị mình hoặc trong KCN Sông Lô II; Có trách nhiệm phối hợp với VPID và các cơ quan chức năng để ứng phó sự cố; Thực hiện báo cáo phục hồi môi trường sau xử lý sự cố theo quy định tại Thông tư 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025.

6. Doanh nghiệp thứ cấp phải cập nhật bản kế hoạch ứng phó sự cố môi trường hằng năm. Thực hiện diễn tập ứng phó sự cố môi trường/sự cố chất thải theo quy định.

7. Thông báo bằng văn bản cho VPID khi các doanh nghiệp thứ cấp thay đổi nhân sự phụ trách môi trường hoặc các công việc khác có liên quan.

CHƯƠNG III
THANH TRA – KIỂM TRA – CHẾ TÀI

Điều 16. Thanh tra – kiểm tra

1. Trong quá trình hoạt động tại KCN Sông Lô II Các đơn vị phải thực hiện đúng các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường theo ĐTM/GPMT/ĐKMT đã được phê duyệt.

2. VPID tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ việc tuân thủ BVMT của các doanh nghiệp đang thuê đất/nhà xưởng; Thực hiện kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm, khi nhận phản ánh của cơ quan chức năng hoặc cộng đồng; Lấy mẫu tại hố ga đấu nối của doanh nghiệp thứ cấp; Buộc các doanh nghiệp thứ cấp cung cấp hồ sơ, tài liệu về môi trường (Báo cáo ĐTM/GPMT/ĐKMT; Sổ vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải, hợp đồng thu gom CTR, CTNH; Phiếu kết quả quan trắc môi trường định kỳ; Hồ sơ nhật ký – vận hành các công trình BVMT...)

3. Các đơn vị phải chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, định kỳ/đột xuất của VPID và cơ quan quản lý nhà nước.

4. Hoạt động kiểm tra, giám sát của VPID mang tính hỗ trợ quản lý hạ tầng KCN, không thay thế chức năng quản lý nhà nước và không làm thay đổi trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp thứ cấp.

5. Các đơn vị vi phạm phải nghiêm chỉnh khắc phục và thực hiện đầy đủ yêu cầu của Đoàn Thanh tra/kiểm tra trong thời gian sớm nhất.

6. Trong quá trình hoạt động Các đơn vị có quyền khiếu nại, tố cáo khi phát hiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường hoặc vi phạm Quy chế này của Các đơn vị khác, thông báo ngay cho VPID để kịp thời kiểm tra, ngăn chặn và khắc phục. Đồng thời báo cáo cơ quan chức năng để xử lý vi phạm.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Vi phạm gồm:

1. Không công khai hồ sơ môi trường đã được phê duyệt/Không công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho VPID;

2. Xả thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Sông Lô II;

3. Không tham vấn VPID trong quá trình xây dựng, nâng cấp hệ thống XLNT; mở rộng nhà xưởng,…;

4. Không thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho VPID/Không thực hiện vận hành thử nghiệm/Vận hành thử nghiệm không đúng GPMT/ĐKMT đã được phê duyệt;

5. Không gửi báo cáo công tác BVMT định kỳ hằng năm/Không gửi báo cáo kết thúc vận hành thử nghiệm cho VPID;

6. Không thực hiện phân loại CTNH theo quy định;

7. Che giấu sự cố.

VPID áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm:

1. Cảnh báo bằng văn bản: Đối với Các đơn vị vi phạm Quy chế này, VPID tiến hành kiểm tra, lập biên bản vi phạm, buộc các đơn vị phải khắc phục.

2. Tạm ngừng tiếp nhận nước thải khi Các đơn vị: Không thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm; Không cung cấp hồ sơ môi trường; Không phối hợp trong quá trình kiểm tra, xử lý sự cố,…; Không xử lý, khắc phục hậu quả sự cố.

3. Trong trường hợp VPID phát hiện nước thải có dấu hiệu vượt ngưỡng tiếp nhận, có nguy cơ gây ảnh hưởng đến hệ thống XLNT tập trung hoặc có dấu hiệu xả thải trái phép, VPID có quyền: Tạm ngừng tiếp nhận nước thải; Niêm phong hố ga đấu nối; Yêu cầu dừng xả thải; Yêu cầu tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động phát sinh nước thải; Tổ chức lấy mẫu đột xuất để xác định vi phạm. Các đơn vị có trách nhiệm chấp hành ngay mà không được cản trở.

4. Tạm dừng cung cấp dịch vụ hạ tầng/Chấm dứt hợp đồng thuê đất, sử dụng hạ tầng: Trường hợp các đơn vị vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng hạ tầng của KCN Sông Lô II.

5. Bồi thường thiệt hại: Các đơn vị phải có trách nhiệm thanh toán chi phí phân tích chất lượng môi trường, bồi thường phí xử lý nước thải theo quy định trong Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải giữa Các đơn vị và VPID; Thanh toán toàn bộ chi phí, khắc phục sự cố môi trường, thực hiện phục hồi môi trường theo quy định, bồi thường thiệt hại do đơn vị mình gây ra sau khi có kết luận chính thức từ cơ quan chức năng xác định mức độ thiệt hại về môi trường.

6. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền (BQL KCN, Sở NN&MT, Công an Kinh tế - Môi trường) xử lý nếu doanh nghiệp không thực hiện khắc phục các vi phạm.

7. Các đơn vị hoạt động trong KCN Sông Lô II có thành tích tốt trong công tác bảo vệ môi trường sẽ được VPID đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên dương và khen thưởng.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được xem là cơ sở pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong KCN Sông Lô II. Các trường hợp chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ có sự điều chỉnh dựa trên các quy định hiện hành và điều kiện riêng tại KCN Sông Lô II.

2. Trường hợp các quy định pháp luật, QCVN, GPMT của KCN Sông Lô II hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước thay đổi thì Các đơn vị phải tự động thực hiện theo quy định mới mà không phụ thuộc việc sửa đổi Quy chế này.

3. Các đơn vị có trách nhiệm cập nhật quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan; Bổ sung hồ sơ pháp lý, nâng cấp công trình BVMT của đơn vị mình khi cần thiết.

4. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, chủ nhà xưởng, nhà thầu, đơn vị cung cấp dịch vụ hoạt động trong KCN Sông Lô II và các bộ phận trong VPID chịu trách nhiệm thi hành quy chế này./.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC

Nguyễn Ngọc Lan

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN ĐIỀU KHOẢN PHÁP LÝ

STT	ĐIỀU KHOẢN	TÊN VĂN BẢN TRÍCH DẪN
1	Khoản 2, Điều 5	Khoản 1 Điều 30. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; Khoản 1 Khoản 2 Điều 39. Đối tượng phải có giấy phép môi trường; Khoản 1 Điều 49. Đăng ký môi trường của Luật bảo vệ môi trường của Luật BVMT 2020
2	Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 21	Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
	Khoản 6, Điều 21	Điều 26, Điều 33, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
	Khoản 7, Điều 21	Điểm e Khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường
3	Điều 22	Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
4	Điều 29	Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
5	Điều 30	Điểm a Khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC QCVN – TCVN

STT	QUY CHUẨN/ TIÊU CHUẨN	TÊN VĂN BẢN
1	QCVN 19:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
2	QCVN 20:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ
3	QCVN 26:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
4	QCVN 27:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
5	QCVN 40:2025/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

PHỤ LỤC 3
TIÊU CHUẨN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA VPID

(Kèm theo Quy chế BVMT KCN Sông Lô II)

I. MỤC ĐÍCH

1. Quy định rõ tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật đối với nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom – xử lý nước thải tập trung của KCN Sông Lô II.

2. Làm căn cứ kiểm tra, giám sát; áp dụng chế tài; đảm bảo vận hành an toàn Nhà máy XLNT tập trung KCN Sông Lô II.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho tất cả doanh nghiệp thứ cấp, nhà thầu, đơn vị cho thuê xưởng phát sinh nước thải và đấu nối vào hệ thống chung của KCN Sông Lô II.

III. NGUYÊN TẮC ĐẤU NỐI

1. Tách riêng hệ thống nước thải và nước mưa, không được đấu nối chung.

2. Nước thải phải được xử lý sơ bộ đạt ngưỡng tiếp nhận trước khi xả vào hệ thống thu gom KCN.

3. Doanh nghiệp phải xây dựng hố ga đấu nối đúng mẫu của VPID.

4. VPID có quyền lấy mẫu đột xuất tại hố ga đấu nối bất kỳ thời điểm nào. Doanh nghiệp không được trì hoãn, cản trở hoặc can thiệp quá trình lấy mẫu.

5. Mọi hành vi xả trộm, pha loãng, đấu nối trái phép, chuyển đổi vị trí xả đều bị đình chỉ và xử phạt theo Nghị định 45/2022/NĐ-CP.

6. Yêu cầu DN nộp: SDS/MSDS hóa chất; Sơ đồ công nghệ; Bản tính toán cân bằng nước (nếu có); Bảng tính tải lượng; Danh mục CTNH; Danh mục nguyên liệu; GPMT/ĐKMT/ĐTM; Bản vẽ thoát nước; Sơ đồ công nghệ; Hợp đồng CTNH; Kết quả quan trắc (nếu có); Nhật ký vận hành; PCCC; Kế hoạch ứng phó sự cố; Sơ đồ đấu nối.

BẢNG – GIÁ TRỊ TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI TẠI HỐ GA ĐẤU NỐI

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn đấu nối
1	Nhiệt độ	oC	≤ 40
2	Độ màu	Pt/Co	≤ 150
3	pH	-	6 - 9
4	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD5 (20°C)	mg/L	≤ 50
5	Nhu cầu oxy hóa học COD	mg/L	≤ 150
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 100
7	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05

8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,001
9	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,1
10	Cadimi (Cd)	mg/L	≤ 0,02
11	Crom VI (Cr6+)	mg/L	≤ 0,1
12	Tổng Cr (Cr)	mg/L	≤ 0,5
13	Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1,0
14	Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 1,0
15	Niken (Ni)	mg/L	≤ 0,1
16	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2,0
17	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2,0
18	Xianua (CN-)	mg/L	≤ 0,2
19	Tổng Phenol	mg/L	≤ 1,0
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 1,0
21	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 5,0
22	Sunfua (S2-)	mg/L	≤ 0,2
23	Florua (F-)	mg/L	≤ 3,0
24	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤ 10
25	Tổng nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40,0
26	Tổng phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 10,0
27	Clorua (Cl-)	mg/L	≤ 500
28	Clo dư	mg/L	≤ 1,0
29	Tổng Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	≤ 20.000
30	Chất hoạt động bề mặt anion (*)	mg/L	≤ 3,0
31	1,4-Dioxane (C4H8O2)	mg/L	≤ 0,05
32	Chloroform (CHCl3) (*)	mg/L	≤ 0,3
33	Diethylhexylphthalate (DEHP) (C6H4(CO2C8H17)2) (*)	mg/L	≤ 0,02
34	Formaldehyde (HCHO) (*)	mg/L	≤ 1,0

35	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) (*)	mg/L	≤ 7,5
36	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	≤ 0,05
37	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/L	≤ 0,3
38	Tổng PCB	mg/L	≤ 0,003
(*) Chỉ thực hiện giám sát đối với doanh nghiệp thứ cấp thuộc các mã ngành nghề C17021, C17090, C2013, C2023, C2220 đi vào hoạt động.			

📌 **Lưu ý**

- Ngưỡng tiếp nhận được áp dụng trước khi nước thải được đưa về Nhà máy XLNT tập trung;

- VPID sẽ xử lý đạt Cột A QCVN 40:2025/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

IV. YÊU CẦU CÁC CÔNG TRÌNH ĐẤU NỐI

1. Hố ga đấu nối nước thải xây bên ngoài hàng rào doanh nghiệp.

2. Lắp đặt van khóa hoặc sử dụng đầu bịt đường ống thoát nước thải, đảm bảo kiểm soát xả thải khi hệ thống bị sự cố.

3. Cấm mọi hành vi tự ý thay đổi đường ống thoát nước thải.

4. Đảm bảo hệ thống thoát nước nước thải được tách biệt với hệ thống thoát nước mưa.

V. QUY TRÌNH CHẤP THUẬN ĐẤU NỐI

1. Doanh nghiệp gửi hồ sơ xin đấu nối:

- Bản vẽ hệ thống thoát nước thải, nước mưa;

- Hồ sơ liên quan bao gồm ĐKMT, GPMT, ĐTM và các giấy tờ liên quan khác. Hồ sơ bản vẽ công nghệ xử lý;

- Công suất, lưu lượng xả thải;

- Các vị trí đấu nối nước mưa, nước thải đề xuất.

2. VPID kiểm tra hiện trường và phê duyệt bằng văn bản.

3. Doanh nghiệp thi công hố ga đúng thiết kế.

4. Các doanh nghiệp thứ cấp chỉ được đấu nối chính thức khi: Hoàn thành vận hành thử nghiệm; Có kết quả đạt chuẩn; Được VPID nghiệm thu; Ký hợp đồng XLNT.

VI. TRƯỜNG HỢP BỊ TỪ CHỐI ĐẤU NỐI

1. Nước thải không qua xử lý sơ bộ hoặc xử lý không đạt giới hạn tiếp nhận theo phụ lục 03. Ngoài ra VPID có quyền từ chối tiếp nhận khi lưu lượng vượt qua GPMT của DN được cấp

2. Hệ thống xử lý sơ bộ không đáp ứng tải lượng thiết kế.

3. Doanh nghiệp từ chối cung cấp hồ sơ môi trường.

4. Có dấu hiệu che giấu các hành vi pha loãng, xả trộm nước thải.

PHỤ LỤC 4
QUY TRÌNH TẠM NGỪNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THỨ CẤP KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG LÔ II
(Ban hành kèm theo Quy chế BVMT KCN Sông Lô II)

I. MỤC ĐÍCH

1. Quy định cụ thể các bước, trách nhiệm và thẩm quyền của Chủ đầu tư KCN Sông Lô II (VPID) trong việc tạm ngừng tiếp nhận nước thải của doanh nghiệp thứ cấp khi có vi phạm về bảo vệ môi trường.

2. Đảm bảo hệ thống XLNT tập trung vận hành ổn định, tuân thủ Giấy phép môi trường, QCVN và phòng ngừa sự cố môi trường lan rộng.

3. Tăng cường ý thức chấp hành của doanh nghiệp thứ cấp; đảm bảo quyền lợi của các doanh nghiệp khác trong KCN.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với tất cả doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đấu nối và xả nước thải vào hệ thống thu gom – XLNT tập trung của KCN Sông Lô II.

III. CÁC TRƯỜNG HỢP BỊ ÁP DỤNG TẠM NGỪNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI

VPID có quyền tạm ngừng tiếp nhận nước thải của DN trong các trường hợp sau:

1. Vi phạm chất lượng nước thải

- Nước thải đầu vào vượt ngưỡng tiếp nhận theo Quy định đấu nối tại Phụ lục 3 hoặc theo GPMT.

- Nước thải có sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến khả năng vận hành của trạm XLNT tập trung.

- Nước thải có chứa các hóa chất, độc tố, dung môi dễ bay hơi, kim loại nặng vượt quy định.

2. Vi phạm về khối lượng (lưu lượng) nước thải

- Lưu lượng xả vượt quá lưu lượng đã đăng ký/được chấp thuận từ VPID theo GPMT DN đã được cấp.

- Doanh nghiệp tự ý đấu nối bổ sung, cải tạo hệ thống thoát nước không được phép.

3. Vi phạm về thủ tục môi trường

- Không thực hiện quan trắc, đo kiểm theo yêu cầu.

- Không thông báo vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo khoản 5 Điều 31 NĐ 08/2022/NĐ-CP.

- Không có GPMT/hồ sơ môi trường hợp lệ khi đi vào hoạt động.

4. Vi phạm về hành vi bị cấm (Điều 7 Luật BVMT)

- Xả thải lén lút qua ống bí mật, cống chung, cửa xả mưa.
- Thay đổi chế độ xả (đột ngột) nhằm né tránh kiểm tra.

5. Không hợp tác, cản trở chủ đầu tư

- Từ chối cho lấy mẫu;
- Không cung cấp hồ sơ, nhật ký vận hành;
- Không chấp hành yêu cầu khắc phục vi phạm trong thời hạn.

IV. QUY TRÌNH TẠM NGỪNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI

Quy trình gồm 04 bước sau:

Bước 1. Ghi nhận và xác minh vi phạm

1. Khi hệ thống của VPID thông qua (quan trắc tự động, nhận diện mùi, camera, lấy mẫu đột xuất) hoặc phản ánh của doanh nghiệp khác phát hiện dấu hiệu bất thường, VPID tiến hành: Lấy mẫu nước thải tại hố ga đấu nối; Ghi nhận hình ảnh, nhật ký vận hành, phân tích nhanh tại chỗ (nếu có); Lập Biên bản ghi nhận vi phạm ban đầu.

2. Trường hợp nghiêm trọng (sốc tải/ảnh hưởng toàn trạm), có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp – khóa van tạm thời mà không cần thông báo trước.

Bước 2. Thông báo vi phạm và yêu cầu khắc phục

1. VPID ban hành Thông báo vi phạm môi trường gửi DN thứ cấp, nội dung gồm: Hành vi vi phạm; Kết quả phân tích; Yêu cầu khắc phục và thời hạn khắc phục (tối đa: 24 giờ đối với vi phạm nặng, 03 ngày đối với vi phạm trung bình).

2. Doanh nghiệp phải trả lời bằng văn bản và thực hiện các biện pháp khẩn cấp theo yêu cầu.

Bước 3. Quyết định tạm ngừng tiếp nhận nước thải

1. Nếu doanh nghiệp không khắc phục trong thời hạn hoặc vi phạm ở mức nghiêm trọng, VPID ban hành Quyết định tạm ngừng tiếp nhận nước thải, trong đó nêu rõ: Lý do tạm ngừng; Thời hạn tạm ngừng; Các yêu cầu DN phải thực hiện trong thời gian tạm ngừng (tự xử lý, lưu chứa an toàn, thuê đơn vị xử lý ngoài…); Biện pháp chế tài kèm theo; Nghĩa vụ bồi thường nếu gây thiệt hại cho trạm XLNT hoặc DN khác.

2. Quyết định được gửi tới: Doanh nghiệp có vi phạm; Ban Quản lý các KCN tỉnh (trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng); Sở TN&MT (nếu cần phối hợp kiểm tra).

3. Thời hạn tạm ngừng: từ 01 ngày đến khi DN khắc phục hoàn toàn, tùy mức độ.

Bước 4. Kiểm tra khắc phục – Khôi phục đấu nối

1. Doanh nghiệp gửi Báo cáo khắc phục vi phạm kèm kết quả quan trắc/đo kiểm do phòng thí nghiệm được công nhận thực hiện.

2. VPID tiến hành kiểm tra thực tế, lấy mẫu đối chứng, đánh giá mức độ đạt yêu cầu.

3. Khi đạt điều kiện, VPID ban hành Thông báo khôi phục tiếp nhận nước thải và mở lại đường đấu nối.

4. Trường hợp DN tiếp tục tái phạm → áp dụng mức chế tài cao hơn, có thể chuyển cơ quan chức năng xử phạt theo NĐ 45/2022/NĐ-CP.

V. CHẾ TÀI XỬ LÝ KÈM THEO

1. Chế tài áp dụng nội bộ tại KCN Sông Lô II

Tùy mức độ, VPID áp dụng:

- Nhắc nhở bằng văn bản;
- Thu phí xử lý bổ sung;
- Tạm ngừng cung cấp các dịch vụ hạ tầng;
- Đề nghị BQL KCN hoặc cơ quan chức năng khác xem xét xử lý theo thẩm quyền;
- Buộc Doanh nghiệp bồi thường thiệt hại vận hành trạm XLNT;
- Đình chỉ đấu nối trong thời gian dài (03–30 ngày).

2. Xử phạt theo pháp luật Nhà nước

VPID có quyền thông báo tới các cơ quan quản lý nhà nước về các vi phạm của Doanh nghiệp để có chế tài sử phạt theo Nghị định 45/2022/NĐ-CP. Một số nội dung tham khảo về hành vi như sau:

- Trường hợp vi phạm vượt ngưỡng xả thải chưa thông số thông thường hoặc thông số nguy hại.
- Có dấu hiệu trốn tránh, xả thải lén lút chuyển cơ quan công an xử lý theo Điều 235 Bộ luật Hình sự (Tội gây ô nhiễm môi trường).

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP THỨ CẤP TRONG THỜI GIAN BỊ TẠM NGỪNG

1. Tự lưu chứa nước thải an toàn hoặc ký hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý bên ngoài theo Tiêu chuẩn kỹ thuật.
2. Không được tự ý đấu nối lại hoặc xả thải vào hệ thống của KCN.
3. Báo cáo tiến độ khắc phục định kỳ 02 giờ/lần nếu sự cố mức nghiêm trọng.
4. Chịu mọi chi phí phát sinh do việc tạm ngừng tiếp nhận (chi phí lấy mẫu, kiểm nghiệm, xử lý sự cố…).

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ KCN

1. Bảo đảm việc tạm ngừng tiếp nhận được thực hiện minh bạch, khách quan.
2. Lưu trữ hồ sơ vi phạm ≥ 05 năm.
3. Phối hợp cơ quan chức năng khi có yêu cầu.
4. Khôi phục tiếp nhận ngay khi DN khắc phục xong.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phụ lục này là một phần không tách rời của Quy chế BVMT KCN Sông Lô II, có hiệu lực đồng thời với Quy chế. Các phòng/ban của VPID và các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc.

T.C.P ★ O.